

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HC-ST

Ngày: 23-4-2025

V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Kiều Thị Kim Dung

Bà Lê Phan Ngọc Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 331/2024/TLST-HC ngày 27/11/2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-HC ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1964. Địa chỉ: K, khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 2001.

Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Số H L, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn L, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Thanh T2, Phó Trưởng phòng – Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện B, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3. Địa chỉ trụ sở: Số C Quốc lộ A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Cao N, Chức vụ: Giám đốc.

(ông T1, bà T, ông T2 có mặt; ông L, ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2024 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa có nội dung:

Gia đình ông Huỳnh Thanh S có 01 thửa đất diện tích 1.069m²; một phần thửa đất số 11, tờ bản đồ số 132 (thửa đất cũ số 802; tờ bản đồ cũ số 2); loại đất SKC, tại thị trấn B (theo bảng thống kê diện tích loại đất do Trung tâm phát triển quỹ đất và dịch vụ tài nguyên, môi trường lập ngày 22/9/2021, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L duyệt ngày 14/10/2021 và chỉnh lý biến động ngày 07/9/2022).

Ngày 30/9/2022, bằng Quyết định số 9859/QĐ-UBND của UBND huyện B về việc: Thu hồi đất của ông (bà) Huỳnh Thanh S để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) qua địa bàn thị trấn B, huyện B.

Việc thu hồi đất để thực hiện dự án giao thông do UBND tỉnh L làm chủ đầu tư, gia đình ông S chấp hành.

Việc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất số tiền 5.021.861.016đ; Các khoản hỗ trợ với số tiền 117.864.000đ gia đình ông S chấp hành.

Tuy nhiên Quyết định số 15906/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện B đã không bồi thường giá trị tài sản trên đất cho gia đình ông S là thiệt thòi quá lớn, không đúng pháp luật.

Ông S khởi kiện yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 15906/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện B về việc “phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông (bà) Huỳnh Thanh S để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) qua địa bàn thị trấn B, huyện B”, để tính toán bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho gia đình ông S.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B có ý kiến tại Công văn 12422/UBND-TNMT ngày 30/12/2024 có nội dung:

Về việc thu hồi đất:

Ngày 30/9/2022 UBND huyện B ban hành Quyết định số 9859/QĐ- UBND về việc thu hồi đất của ông Huỳnh Thanh S để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng đường tỉnh 830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) đoạn qua thị trấn B, cụ thể là thu hồi 1069m² đất SKC thuộc thửa đất mới số 11 (mpt), tờ bản đồ mới số 132 (thửa đất cũ số 802, tờ bản đồ cũ số 2).

Ngày 11/7/2023 UBND huyện B ban hành Quyết định số 7354/QĐ-UBND và Quyết định số 7358/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9859/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện B.

Theo đó, tổng diện tích đất bị thu hồi của ông Huỳnh Thanh S là 1069,1m² trong đó thu hồi 982,2m² đất LUC và 86,9m² đất SKC.

Về việc bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 30/9/2022 UBND huyện B ban hành Quyết định số 10090/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ của ông Huỳnh Thanh S để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng đường tỉnh 830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) đoạn qua thị trấn B với tổng số tiền là 2.323.898.451đ (bồi thường tài sản gắn liền với đất).

Ngày 07/9/2023 UBND huyện B ban hành Quyết định số 10602/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 10090/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của

UBND huyện B, lý do: Việc áp giá và phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Huỳnh Thanh S thực hiện chưa đúng với quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 10 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L.

Ngày 14/12/2023 UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 15906/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông (bà) Huỳnh Thanh S để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) qua địa bàn thị trấn B, huyện B.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt là 5.139.725.016đ (Năm tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm mười sáu đồng). Ông Huỳnh Thanh S chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định nêu trên.

Về chính sách tái định cư: Hộ ông Huỳnh Thanh S không phải di chuyển chỗ ở do chỉ bị thu hồi đất nông nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh do đó không thuộc đối tượng được giải quyết chính sách tái định cư.

Về việc nêu ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Huỳnh Thanh S:

Việc ông Huỳnh Thanh S khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 15906/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện B là không có cơ sở xem xét giải quyết do việc bồi thường, hỗ trợ của ông Huỳnh Thanh S đã được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 và Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L, cụ thể:

Về việc bồi thường đất: Đối với loại đất SKC, có hình thức giao đất trả tiền thuê đất hàng năm thì không được bồi thường về đất (theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013); Đối với loại đất Lúa đã được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 7098/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và các chính sách hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830E) qua địa bàn huyện B.

Đối với tài sản trên đất: Phần công trình vật kiến trúc xây dựng trên phần đất nông nghiệp và một phần đất SKC không được bồi thường là thực hiện đúng theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 10 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 trình bày:

Năm 2009, ông Huỳnh Cao N đã thành lập Công ty T3 để hoạt động kinh doanh mua bán sắt thép. Vì chưa có trụ sở để hoạt động nên Công ty T3 đã mượn địa điểm là nhà xưởng của cha ông Nguyễn tên là Huỳnh Thanh S (đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trên toàn bộ diện tích 3.256 m² đất thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 132, tọa lạc tại: thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An để kinh doanh, còn một phần ông Huỳnh Thanh S để ở.

Ngày 08/02/2022, UBND huyện B có Thông báo số 1092/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án đường ĐT.830E của ông Huỳnh Thanh S.

Ngày 30/9/2022, UBND huyện B ban hành Quyết định số 9859/QĐ- UBND về việc “Thu hồi 1.069 m² đất thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 132, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B của ông Huỳnh Thanh S”.

Sau đó, ông Huỳnh Thanh S cũng đã nói ông N chủ động chuẩn bị di dời tài sản, địa điểm kinh doanh để ông S sớm bàn giao diện tích đất bị thu hồi cho UBND huyện B thực hiện dự án.

Tuy nhiên, đến nay Công ty T3 được biết UBND huyện B chưa thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất bị thu hồi nêu trên.

Công ty T3 chỉ mượn trụ sở để hoạt động kinh doanh trên phần diện tích đất bị thu hồi nêu trên. Đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là quyền sở hữu hợp pháp của ông Huỳnh Thanh S. Công ty T3 không có bất kỳ quyền lợi gì đối với tài sản này của ông Huỳnh Thanh S.

Vì vậy, kính mong Q Toà án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp đối với quyền sử dụng diện tích 1.069 m² đất của ông Huỳnh Thanh S khi UBND huyện B thực hiện việc thu hồi để giải phóng mặt bằng dự án Đường Đ.830E, đoạn qua địa bàn thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định, về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền, Tòa án xác định đúng đối tượng, khi ông Huỳnh Thanh S khởi kiện là còn trong thời hiệu nên việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh S: Hủy Quyết định số 15906/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông (bà) Huỳnh Thanh S để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) qua địa bàn thị trấn B, huyện B.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Huỳnh Thanh S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An: Hủy Quyết định số 15906/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông (bà) Huỳnh Thanh S để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) qua địa bàn thị trấn B, huyện B. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14/12/2023 UBND huyện B ban hành Quyết định số 15906/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Huỳnh Thanh S để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E. Ngày 11/11/2024 ông S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An yêu cầu hủy quyết định trên là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND huyện B, tỉnh Long An và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty T3 có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[1.4] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại, nhưng đại diện người khởi kiện có đơn yêu cầu không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại; Người bị kiện có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 135, 136 Luật Tổ tụng hành chính Tòa án thu thập đầy đủ chứng cứ, không tiến hành đối thoại và đưa vụ án ra xét xử là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định: Để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) qua địa bàn thị trấn B, huyện B, UBND huyện B ban hành Quyết định số 15906/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Huỳnh Thanh S. Do đó, UBND huyện B, tỉnh Long An ban hành quyết định trên là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định theo quy định.

[2.2] Về nội dung của quyết định hành chính:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện:

Để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) qua địa bàn thị trấn B, huyện B, ngày 30/9/2022 UBND huyện B ban hành Quyết định số 9859/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Huỳnh Thanh S, cụ thể: Thu hồi 1069m² đất SKC thuộc thửa đất mới số 11 (mpt), tờ bản đồ mới số 132 (thửa đất cũ số 802, tờ bản đồ cũ số 2). Ngày 11/7/2023 UBND huyện B ban hành Quyết định số 7354/QĐ-UBND và Quyết định số 7358/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 9859/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện B. Theo đó, tổng diện tích đất bị thu hồi của ông Huỳnh Thanh S là 1069,1m² trong đó thu hồi 982,2m² đất LUC và 86,9m² đất SKC.

Về việc bồi thường, hỗ trợ: Ngày 30/9/2022 UBND huyện B ban hành Quyết định số 10090/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ của ông Huỳnh Thanh S với tổng số tiền là 2.323.898.451đ (bồi thường tài sản gắn liền với đất). Ngày 07/9/2023 UBND huyện B ban hành Quyết định số 10602/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 10090/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện B, lý do: Việc áp giá và phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông

Huỳnh Thanh S thực hiện chưa đúng với quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 10 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L. Ngày 14/12/2023 UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 15906/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Huỳnh Thanh S với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt là 5.139.725.016đ (Năm tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm mười sáu đồng).

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên Tòa hôm nay đại diện ông S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện B trình bày thống nhất với nhau như sau: Trên các thửa đất mà UBND huyện B thu hồi của ông S có 01 căn nhà kho do ông S xây dựng.

Tuy nhiên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện B cho rằng: Ông S xây dựng căn nhà kho trên không đúng giấy phép xây dựng số 69/GPXD do UBND huyện B cấp cho ông S ngày 27/4/2009. Cụ thể theo giấy phép xây dựng nhà kho trên thì ông S chỉ được phép xây dựng nhà kho chứa thép trên thửa đất 802, tờ bản đồ số 2, loại đất cơ sở sản xuất kinh doanh nhưng thực tế ông S đã xây dựng nhà kho chứa thép một phần trên thửa đất 802 và một phần trên thửa đất 494 là đất nông nghiệp khác nên căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 10 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L, UBND huyện B không bồi thường nhà kho trên cho ông S.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S cho rằng: Ông S xây dựng nhà kho chứa thép trên 01 phần thửa đất số 802 và 01 phần trên thửa đất số 494 như phía UBND huyện B trình bày. Ông S xây dựng nhà kho chứa thép trên có giấy phép xây dựng do UBND huyện B cấp. Sau khi xây dựng nhà kho chứa thép xong thì ông S đưa vào hoạt động. Từ khi hoạt động đến nay không có Cơ quan nào xử phạt đối với ông S. Nghĩa là chính quyền địa phương đã công nhận sự tồn tại nhà kho chứa thép do ông S xây dựng nên khi thu hồi phải bồi thường.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định: Theo giấy phép xây dựng do UBND huyện B cấp cho ông S thì ông S chỉ được xây dựng nhà kho chứa thép trên thửa đất số 802 nhưng ông S đã xây dựng nhà kho trên thửa đất 802 và trên thửa đất 494 chưa được cấp phép xây dựng. Việc ông S xây dựng trên thửa đất số 494 là không đúng nhưng việc ông S xây dựng trên thửa đất số 802 là đúng theo giấy phép xây dựng của UBND huyện B cấp cho ông S.

Tại điểm c, khoản 2, Điều 10 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L qui định:

c) Nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc khác khi xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo không được phép xây dựng hoặc xây dựng từ ngày 01/7/2004 trở về sau thì không được bồi thường, không được hỗ trợ, tổ chức có công trình xây dựng trái phép đó buộc phải tự tháo dỡ và tự chịu chi phí phá dỡ trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện phá dỡ.

Qua phân tích trên có cơ sở xác định: Ông S xây dựng nhà kho trên thửa đất 802 là đã đúng theo giấy phép xây dựng do UBND huyện B cấp cho ông S, nghĩa là việc ông S xây dựng nhà kho trên thửa đất 802 đã được Cơ quan nhà nước cho phép. Vì thế, UBND huyện B áp dụng qui định trên không bồi thường nhà kho được Nhà nước cho ông S xây dựng trên thửa đất 802 là không đúng qui định.

Tại khoản 1, Điều 10 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L qui định:

1. Nhà (nhà kho, nhà trọ...), xưởng, công trình, vật kiến trúc khác xây dựng hợp pháp hoặc có giấy tờ hợp pháp khi bị thu hồi không thể tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt lại thì tính bồi thường như sau:

- Trường hợp di dời toàn bộ nhà, xưởng, công trình chỉ phá dỡ một phần, mà phần còn lại không còn sử dụng được thì tính bồi thường cho toàn bộ nhà, xưởng, công trình theo mức thiệt hại thực tế.

- Nhà, xưởng, công trình chỉ phá dỡ một phần nhưng phần còn sử dụng lại được thì tính bồi thường phần giá trị nhà, xưởng, công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, xưởng, công trình trước khi bị tháo dỡ. Mức bồi thường do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng xác định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định, mức bồi thường này không quá 100% giá trị xây dựng mới của phần nhà, xưởng, công trình bị phá dỡ.

Ông S xây dựng nhà kho trên thửa đất 802 là đã được UBND huyện B cấp giấy phép xây dựng nên căn cứ vào qui định trên UBND huyện B phải bồi thường nhà kho của ông S xây dựng trên thửa đất 802.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 15906/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Huỳnh Thanh S là không đúng với qui định của pháp luật nên có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ nên được chấp nhận, hủy Quyết định số 15906/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Huỳnh Thanh S như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng. ông Huỳnh Thanh S đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu, ông S đã nộp xong.

Về án phí:

Ông Huỳnh Thanh S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Do ông Huỳnh Thanh S là người cao tuổi, đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm nên không phải trả lại.

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 88, 89 của Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh S:

Hủy Quyết định số 15906/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông (bà) Huỳnh Thanh S để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng ĐT.830E (đoạn từ nút giao cao tốc đến ĐT.830) qua địa bàn thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Thanh S chịu 1.400.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông S đã nộp xong.

Về án phí: Ông Huỳnh Thanh S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Do ông Huỳnh Thanh S là người cao tuổi, đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm nên không phải trả lại.

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Thanh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Kiều Thị Kim Dung - Lê Phan Ngọc
Rỹ**

Nguyễn Phước Thanh